TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG

Tuần 21, 22 – 26/05/2023

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH

"Chứng khoán toàn cầu: trần nợ công Hoa Kì vẫn là tiêu điểm "

Chứng khoán Mỹ có một tuần giao dịch trái chiều khi trần nợ công vẫn là tâm điểm, chậm nhất là ngày 01/06 sẽ có kết quả. Đáng chú ý dự báo doanh thu Nvidia khiến cho cổ phiếu chip trên toàn cầu phản ứng tích cực. Fitch Ratings đã cảnh báo rằng xếp hạng AAA của Hoa Kỳ đang bị đe dọa.

Chứng khoán Châu Âu, Stoxx600 giảm 2.5% do chịu áp lực trước thông tin nền kinh tế lớn nhất châu Âu, Đức rơi vào suy thoái và lo ngại về các cuộc đàm phán nâng trần nợ công của Hoa Kì.

Các thị trường ở châu Á-Thái Bình Dương giao dịch trái chiều. Shanghai Composite giảm 2.2% trong bối cảnh những lo ngại địa chính trị mới xung quanh những gã khổng lồ công nghệ Trung Quốc niêm yết ở Hồng Kông Nikkei 225 chứng kiến một tuần đầy biến động sau khi cả hai chỉ số tăng lên mức cao nhất sau năm 1990 vào thứ Ba, sau đó là những đợt giảm mạnh.

Dầu thô WTI dự đoán sẽ giao dịch dưới 72 USD/ thùng, do Phó Thủ tướng Nga Alexander Novak đẩy lùi kỳ vọng cắt giảm sản lượng của OPEC+ trước cuộc họp ngày 4/6 sắp tới. Bộ trưởng Năng lượng Ả Rập Saudi, Hoàng tử Abdulaziz bin Salman đã cảnh báo những người bán khống "hãy coi chừng" những hậu quả có thể xảy ra.

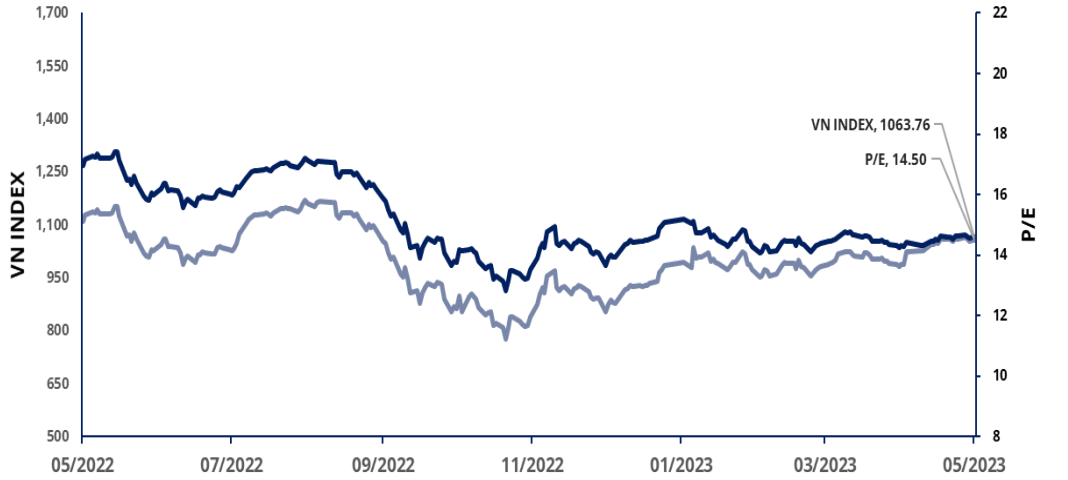
Chứng khoán Việt Nam: Thị trường Việt Nam có một tuần giao dịch kém tích cực với chỉ số VNINDEX giảm -0.87% đạt mức 1,063.76; áp lực chốt lời khá lớn khi thanh khoản gia tăng, lực đỡ của nhóm VN30 kém và khối ngoại bán ròng 5 ngày liên tiếp hơn 2,300 tỷ.

Góc nhìn và khuyến nghị: Chỉ số được giao dịch trên MA 20 và trên vùng hỗ trợ 1,060 điểm là một tín hiệu không quá tiêu cực đối với thị trường. Trên đồ thị tuần, chỉ số vẫn đang trong xu hướng đi ngang khi các chỉ báo chưa thể hiện tín hiệu kỹ thuật đáng chú ý. MACD cho thấy động lượng giá tăng giảm dần từ đầu năm tới nay. RSI đi ngang trong vùng quá mua và quá bán. Nhà đầu tư chỉ nên đầu tư với vị thế dài hạn hạn chế lướt sóng và sử dụng margin trong lúc thị trường đang giằng co như hiện nay.

Dữ liệu thị trường tuần		% Thay đổi					Định giá		
Tên chỉ số	Giá đóng cửa	1W	1M	3M	YTD	Xu hướng	P/E	P/B	Vốn hóa (Tỷ USD)
VN-Index	1,064	-0.3	2.2	2.3	5.6		14.5	1.6	181
Upcom Index	81	-0.6	3.3	5.0	12.5		12.3	1.6	43
HNX Index	218	1.7	5.7	5.0	6.0		26.9	1.2	11
VN30 Index	1,061	-0.8	1.5	2.9	5.5		11.9	1.6	130
S&P 500 Index	4,151	-1.0	2.3	4.6	8.1		19.8	4.0	36,112
STOXX Europe 600 Index	457	-2.5	-1.3	-0.1	7.6		13.4	1.7	13,262
Hang Seng	18,747	-3.6	-5.1	-6.3	-5.2		10.1	1.1	2,680
Nikkei 225	30,916	0.4	8.8	12.6	18.5		30.4	1.9	3,867
SHCOMP Index	3,213	-2.2	-1.6	-1.7	4.0		14.5	1.4	6,655
STI Index	3,207	0.1	-2.6	-2.3	-1.4		12.9	1.1	367
KOSPI Index	2,559	0.8	3.0	5.6	14.4		14.9	0.9	1,476

Nguồn: Bloomberg

Biểu đồ VN Index và chỉ số P/E trong 1 năm



Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

[Chuyên viên phân tích] Trí Võ
☎ (84-28) 90 992 6972
✉ tri.vo@shinhan.com

Mở tài khoản

WEEKLY SNAPSHOT
Theo vốn hóa và ngành

Theo giá trị vốn hóa

Giá trị vốn hóa	1W	1M	1M	% Thay đổi GTGD 1W	% Thay đổi GTGD 1M	% Thay đổi GTGD 3M	% Tỷ trọng GTGD Current	% Tỷ trọng GTGD Change	Định giá P/E	Định giá P/B	Vốn hóa (Tỷ VND)
Large Cap	2.5	-0.8	5.0	6.8	2.0	-2.8	57.9	-1.8	11.9	1.7	3,659,865
Mid Cap	2.9	3.7	13.2	12.9	19.6	25.0	38.8	0.9	19.0	1.1	521,505
Small Cap	3.3	1.8	8.5	52.7	58.3	74.1	3.3	0.9	41.2	0.7	68,557

Theo ngành

Tên ngành	1W	1M	YTD	% Thay đổi GTGD 1W	% Thay đổi GTGD 1M	% Thay đổi GTGD 3M	% Tỷ trọng GTGD Current	% Tỷ trọng GTGD Change	Định giá P/E	Định giá P/B	Vốn hóa (Tỷ VND)
Tài chính	6.4	5.9	32.6	19.1	17.7	19.2	16.0	1.2	6.9	1.2	124,459
Hóa chất	5.3	1.2	5.4	24.8	9.5	19.4	4.1	0.5	8.0	1.1	136,537
Xây dựng và vật liệu	5.0	4.9	21.5	34.9	32.4	11.5	7.8	1.4	28.0	1.0	107,073
Tài nguyên cơ bản	4.2	6.6	23.0	49.6	50.0	-2.5	9.7	2.6	n.a	1.2	172,254
Bất động sản	3.1	-0.8	3.6	-1.8	8.8	35.4	25.8	-3.2	13.4	1.3	778,847
Ngân hàng	2.7	0.2	11.1	10.3	-8.2	-25.6	15.4	0.0	8.4	1.5	1,586,218
Công nghệ Thông tin	2.7	0.5	4.7	17.6	41.6	14.3	0.8	0.0	16.8	2.6	100,893
Bán lẻ	2.6	-2.8	-6.9	1.4	-26.9	-16.9	1.9	-0.2	21.1	2.3	77,508
Tiện ích	1.9	-2.4	0.8	2.1	7.9	12.7	2.2	-0.2	11.6	1.9	307,116
Dầu khí	1.2	2.4	19.9	103.2	85.6	30.5	1.6	0.8	33.0	2.1	60,190
Thực phẩm và đồ uống	0.9	-4.1	-8.5	-17.9	-14.9	-0.9	6.7	-2.3	25.0	2.6	450,263
Ô tô & Phụ tùng	0.4	-1.9	-1.2	3.5	-24.3	6.4	0.5	0.0	10.8	1.0	13,227
Hàng hóa dịch vụ & Công nghiệp	0.4	-1.4	4.8	1.7	33.8	52.0	5.0	-0.4	11.2	1.1	109,959
Bảo hiểm	0.3	-4.2	1.1	20.5	4.5	5.7	0.3	0.0	17.9	1.5	45,977
Du lịch và Giải trí	-0.1	-3.1	-10.5	1.8	0.3	3.9	0.6	-0.1	6.9	8.0	90,921
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.3	-0.7	-6.0	-1.4	-18.2	4.8	1.1	-0.1	11.0	1.6	48,710
Dược và Y tế	-2.9	12.2	12.5	-8.4	15.3	74.1	0.4	-0.1	13.2	2.0	34,268
Truyền thông	-3.2	-6.3	31.0	260.3	257.2	64.9	0.0	0.0	7.9	0.8	1,154

Nguồn: ICB cấp 2 - Fiinpro, Bloomberg

WEEKLY SNAPSHOT

Sự dịch chuyển của dòng vốn & Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư

Tên ETF	Tài sản (Triệu USD)	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
		1W	1M	3M	YTD
Tổng các quỹ ETF	**3,631**	**-9.0**	**-68.6**	**8.0**	**243.8**
Nước ngoài	**2,488**	**-3.0**	**-52.9**	**38.9**	**241.8**
VanEck Vectors Vietnam ETF	499	0.0	-10.8	-24.2	65.0
Fubon FTSE Vietnam ETF	818	0.0	1.8	70.2	71.7
iShares MSCI Frontier and Select EM ETF	665	-3.8	-45.5	-21.9	93.2
Xtrackers FTSE Vietnam Swap ETF	333	0.8	1.6	10.3	58.2
KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF	141	0.0	0.0	3.6	-47.8
Premia MSCI Vietnam ETF	16	0.0	0.0	0.3	0.3
KIM KINDEX Vietnam VN30 Future	5	0.0	0.0	0.6	1.3
Asian Growth CUBS ETF	10	0.0	0.0	0.0	0.0
Trong nước	**1,144**	**-6.0**	**-15.8**	**-31.0**	**2.0**
DCVFMVN Diamond ETF	600	0.0	0.0	0.0	0.0
DCVFMVN30 ETF Fund	339	-5.4	-14.3	-23.5	3.3
SSIAM VNFIN LEAD ETF	164	-0.7	-1.6	-7.8	-1.2
MAFN VN30 ETF	27	0.0	0.1	-0.2	-0.2
SSIAM VNX50 ETF	6	0.0	0.0	0.0	-0.5
VinaCapital VN100 ETF	4	0.0	0.0	0.0	0.0
SSIAM VN30 ETF	4	0.1	0.1	0.6	0.6

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Quốc gia	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
	WTD	MTD	QTD	YTD
Trung Quốc*	n.a	-8,437	48,189	48,189
Ấn độ	375	3,452	5,375	2,892
Indonesia	117	-13	815	1,261
Nhật Bản*	6,287	15,012	34,505	28,976
Maylaysia	-22	-84	-140	-563
Philippines	-89	-11	-30	-30
Hàn Quốc	1,066	2,239	2,855	8,325
Sri Lanka	1	1	3	4
Đài Loan	896	2,300	-253	7,718
Thái Lan	-249	-711	-942	-2,588
Việt Nam	-81	-72	-180	38

*Trung Quốc: Số liệu có độ trễ 1 quý, Nhật Bản: Số liệu có độ trễ 1 tuần.

Nguồn: Bloomberg

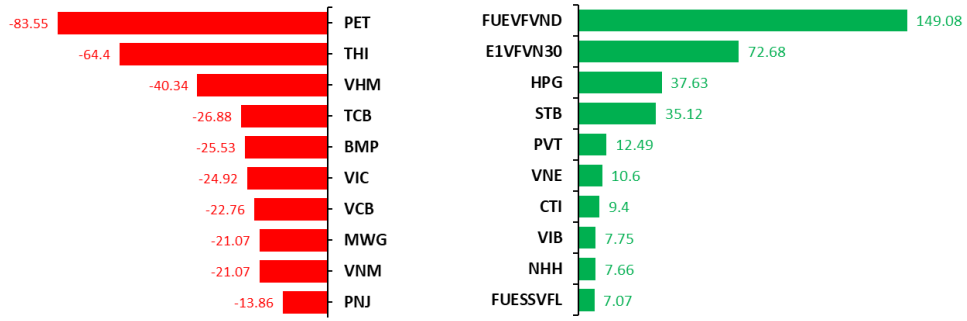
Chú thích:

-WTD: từ đầu tuần
-MTD: từ đầu tháng
-QTD: từ đầu quý
-YTD: từ đầu năm

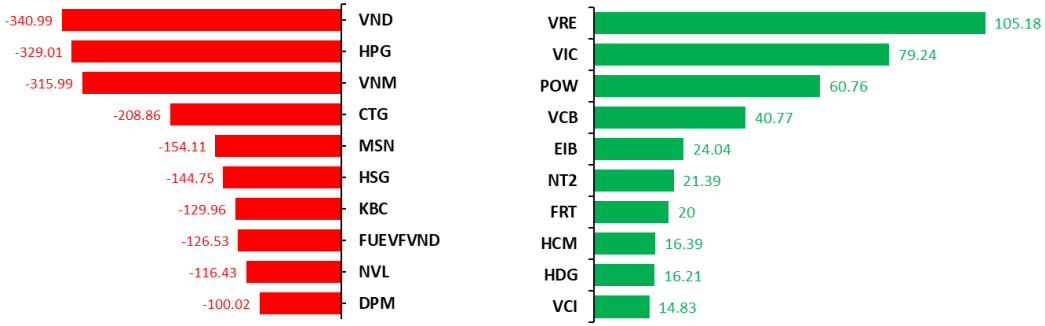
WEEKLY SNAPSHOT

Sự dịch chuyển của dòng vốn & Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư

Top mua bán ròng của tự doanh CTCK (tỷ VND)



Top mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)



Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

Giao dịch ròng trong tuần của tự doanh và các nhà đầu tư theo nhóm ngành (tỷ VND)

Ngành ICB cấp 2	Tự doanh (tỷ VND)	Nước ngoài (tỷ VND)	Cá nhân trong nước (tỷ VND)	Tổ chức trong nước (tỷ VND)
Bất động sản	-116	-111	153	-43
Tài nguyên Cơ bản	33	-410	414	-5
Truyền thông	0	1	-1	0
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-65	-28	179	-151
Y tế	0	-3	3	0
Hóa chất	12	-142	197	-55
Dịch vụ tài chính	234	-475	261	214
Du lịch và Giải trí	-17	-16	19	-3
Ngân hàng	-47	-360	1,031	-671
Xây dựng và Vật liệu	-2	17	33	-49
Thực phẩm và đồ uống	-40	-507	598	-91
Bán lẻ	-105	-1	235	-234
Điện, nước & xăng dầu khí đ	-10	48	2	-50
Hàng cá nhân & Gia dụng	-22	-6	75	-70
Công nghệ Thông tin	-8	1	9	-10
Ô tô và phụ tùng	0	8	-3	-5
Bảo hiểm	3	-36	48	-12
Dầu khí	-2	-19	31	-12
Tổng	-153	-2,038	3,285	-1,247

Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

Không bao gồm giá trị giao dịch thỏa thuận

Shinhan Securities

WEEKLY SNAPSHOT

Top cổ phiếu đáng chú ý

HSX *

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	NAV	Xây dựng và Vật liệu	12.90 - 25.50	13.9	-13.13%
2	AGM	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	5.00 - 32.00	5.4	-10.17%
3	STG	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	26.10 - 55.00	49.3	-8.29%
4	VSH	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	22.90 - 48.00	39.3	-6.98%
5	TGG	Sản xuất nông nghiệp	2.14 - 9.69	3.3	-6.44%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
31.88%	5.8	3.05 - 8.20	Xây dựng và Vật liệu	EVG
27.51%	24.8	10.00 - 24.80	Bất động sản	SGR
23.87%	19.2	7.16 - 33.80	Xây dựng và Vật liệu	NHA
17.70%	12.3	8.41 - 12.90	Xây dựng và Vật liệu	VNE
17.14%	19.2	5.17 - 15.18	Bất động sản	ITC

* Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

HNX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	SGC	Thực phẩm và đồ uống	58.40 - 92.00	61.0	-26.77%
2	LDP	Y tế	4.20 - 19.20	6.7	-14.10%
3	VTC	Công nghệ Thông tin	9.90 - 16.90	11.1	-13.28%
4	TVC	Dịch vụ tài chính	3.30 - 11.20	5.3	-13.11%
5	KDM	Xây dựng và Vật liệu	9.00 - 22.00	10.1	-12.17%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
42.06%	17.9	12.60 - 30.40	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	SDG
29.35%	11.9	4.10 - 15.00	Xây dựng và Vật liệu	VC7
20.69%	3.5	2.20 - 10.30	Xây dựng và Vật liệu	DVG
20.24%	10.1	6.80 - 10.30	Hàng cá nhân & Gia dụng	X20
19.29%	30.3	23.10 - 37.40	Xây dựng và Vật liệu	NHC

Upcom

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	DSG	Xây dựng và Vật liệu	3.80 - 7.90	4.1	-31.67%
2	NAU	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	3.10 - 9.40	5.3	-30.26%
3	SKN	Thực phẩm và đồ uống	5.90 - 14.70	8.5	-28.57%
4	TH1	Bán lẻ	2.30 - 8.40	4.2	-22.22%
5	VEF	Truyền thông	43.00 - 181.00	112.3	-22.01%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
73.82%	62.4	13.50 - 62.40	Xây dựng và Vật liệu	XDC
52.57%	26.7	9.00 - 29.10	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	PJS
44.74%	5.5	3.70 - 9.30	Xây dựng và Vật liệu	ICI
37.92%	73.1	28.90 - 74.20	Xây dựng và Vật liệu	DCF
35.48%	4.2	2.10 - 9.20	Xây dựng và Vật liệu	BOT

Nguồn: Bloomberg, Đvt: nghìn đồng

Top 10 cổ phiếu có giá trị giao dịch thay đổi đột biến so với tuần liền trước

STT	Mã	Tên công ty	Ngành	Giá trị giao dịch		Giá cổ phiếu		
				TB Ngày (Triệu VND)	%1W	Giá (nghìn VND)	Biến động 52 tuần	%1W
1	ACB	Ngân hàng Á Châu	Ngân hàng	209,393.2	334.7	25.0	17.45 - 26.50	0.2
2	MSH	May Sông Hồng	Hàng cá nhân & Gia dụng	2,951.9	174.1	32.0	30.00 - 61.50	-2.1
3	CII	Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM	Xây dựng và Vật liệu	170,145.5	153.0	17.3	10.00 - 26.80	15.0
4	EIB	Eximbank	Ngân hàng	46,893.9	106.4	19.6	14.17 - 35.33	2.6
5	VSC	VICONSHIP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	5,547.3	104.4	28.0	27.05 - 50.00	1.1
6	SJS	SUDICO	Bất động sản	6,301.0	102.5	44.5	37.60 - 81.60	7.6
7	DHG	Dược Hậu Giang	Y tế	5,586.8	93.4	112.0	78.00 - 118.20	1.7
8	PGV	Tổng Công ty Phát điện 3	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	1,146.6	85.9	25.2	15.50 - 32.50	9.6
9	DVP	ĐT và PT Cảng Đình Vũ	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	1,867.6	83.9	50.7	40.00 - 58.90	3.5
10	BMI	Bảo hiểm Bảo Minh	Bảo hiểm	6,487.8	79.0	23.7	15.50 - 34.55	-0.4

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam - Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

WEEKLY SNAPSHOT

Những dữ liệu vĩ mô khác

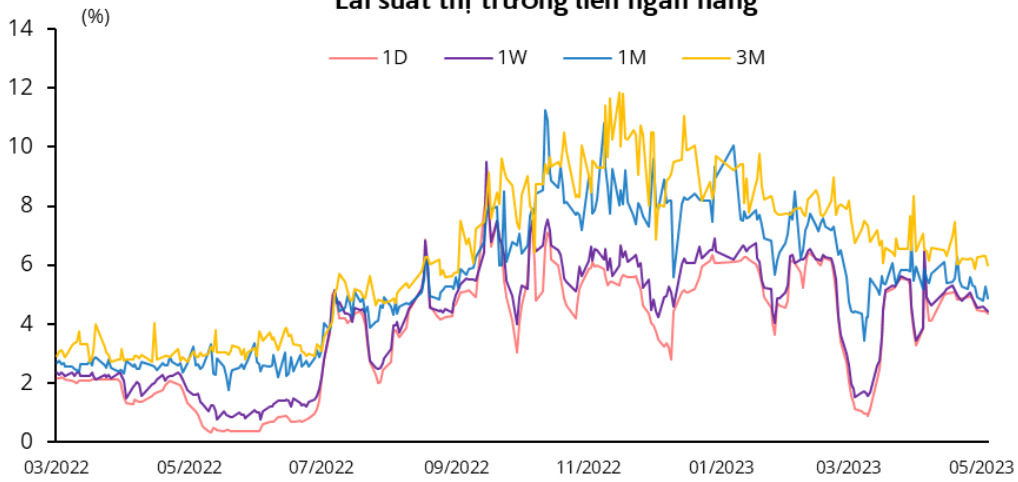
Tỷ giá

	Giá	%1W	%1M	%3M	%YTD	Trend
Dollar index	104.05	0.82	2.54	-1.11	0.51	
VND/USD	23,480	0.05	0.00	-1.37	-0.65	
KRW/USD	1,324.60	-0.15	-0.89	0.11	4.67	
JPY/USD	139.67	1.22	4.49	2.56	6.52	
EUR/USD	0.93	0.66	2.86	-1.17	-0.27	
SGD/USD	1.35	0.52	1.19	0.36	0.89	
CNY/USD	7.05	0.59	1.81	1.57	2.24	

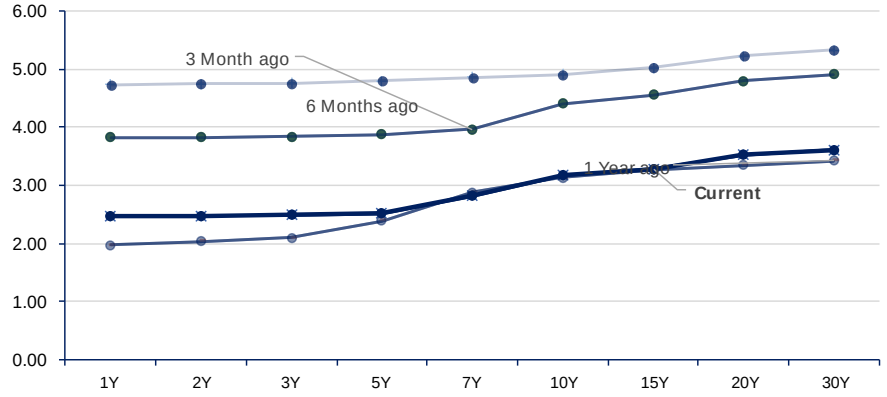
Hàng hóa

	Giá (USD)	%1W	%1M	%3M	%YTD	Trend
Dầu thô	71.90	0.49	-3.23	-5.79	-10.42	
Xăng	266.70	3.53	4.61	13.07	8.44	
Gas	2.30	-11.10	8.55	-6.24	-48.65	
Than	160.00	0.41	-15.37	-23.52	-60.41	
Vàng	1,953.10	-1.25	-1.81	7.48	7.08	
Bạc	23.12	-3.07	-7.08	12.07	-3.48	
Platinum	1,033.98	-3.06	-5.23	9.68	-3.75	
Quặng sắt	105.60	-1.56	-10.20	-16.09	-5.10	
Thép cán	3,699.00	-3.42	-7.18	-15.39	-10.80	
Lúa mì	612.75	1.28	-2.31	-13.48	-22.63	
Ngô	594.75	7.26	-7.29	-8.50	-12.34	

Lãi suất thị trường liên ngân hàng



Đường cong lãi suất trái phiếu chính phủ Việt Nam (%)



TG đáo hạn	1 Yr	2 Yrs	3 Yrs	5 Yrs	7 Yrs	10 Yrs	15 Yrs	20 Yrs	30 Yrs
Lãi suất	2.47	2.48	2.49	2.52	2.82	3.17	3.29	3.52	3.61
Thay đổi (BPS)*	1.20	1.60	1.60	8.50	11.90	16.30	17.10	-0.20	0.90

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

*Thay đổi so với tuần trước đó

Shinhan Securities

Mạng lưới Shinhan Investment

SEOUL

Shinhan Securities Co., Ltd
Shinhan Investment Tower
70, Youido-dong, Yongdungpo-gu,
Seoul, Korea 150-712
Tel : (82-2) 3772-2700, 2702
Fax : (82-2) 6671-7573

NEW YORK

Shinhan Investment America Inc.
1325 Avenue of the Americas Suite 702,
New York, NY 10019
Tel : (1-212) 397-4000
Fax : (1-212) 397-0032

HONG KONG

Shinhan Investment Asia Ltd.
Unit 7705 A, Level 77
International Commerce Centre
1 Austin Road West
Kowloon, Hong Kong
Tel : (852) 3713-5333
Fax : (852) 3713-5300

INDONESIA

PT Shinhan Sekuritas Indonesia
30th Floor, IFC 2, Jl. Jend. Sudirman Kav.
22-23, Jakarta, Indonesia
Tel : (62-21) 5140-1133
Fax : (62-21) 5140-1599

SHANGHAI

Shinhan Investment Corp.
Shanghai Representative Office
Room 104, Huaneng Union Mansion No.958,
Luijiazui Ring Road, PuDong, Shanghai, China
Tel : (86-21) 6888-9135/6
Fax : (86-21) 6888-9139

HO CHI MINH

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
22nd Floor, Centec Tower, 72-74 Nguyen Thi Minh Khai Street,
District 3, Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel : (84-8) 6299-8000
Fax : (84-8) 6299-4232

HA NOI

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
Hanoi Branch
2nd Floor, Leadvisors Building, No. 41A Ly Thai To,
Ly Thai To Ward, Hoan Kiem District,
Hanoi, Vietnam.
Tel : (84-8) 6299-8000

Thông báo Tuân thủ

- Tôi/chúng tôi, với tư cách là chuyên viên/các chuyên viên chuẩn bị bản báo cáo này, cam kết nội dung trình bày ở trên phản ánh chính xác quan điểm của tôi/chúng tôi về các chủ đề chứng khoán và tổ chức phát hành được thảo luận trong bài nghiên cứu. Hơn nữa, tôi/chúng tôi cũng xác nhận rằng bài báo cáo này được soạn thảo mà không phải chịu bất kỳ áp lực hoặc sự can thiệp bất hợp lí nào từ bên ngoài.
- Bản báo cáo này là tài liệu tham khảo cho đầu tư dựa trên các dữ liệu trong quá khứ, vì thế những biến động giá cổ phiếu trong tương lai có thể khác với các xu hướng đã được hình thành.
- Các dữ liệu này phản ánh chính xác quan điểm của người phụ trách nghiên cứu và phân tích về chứng khoán của doanh nghiệp, nhưng các quan điểm và những ước tính này có thể có sai sót. Vì vậy, việc lựa chọn cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng nên phụ thuộc vào chính mỗi nhà đầu tư.
- Các dữ liệu nghiên cứu và phân tích chỉ được gửi tới cho khách hàng của chúng tôi, do đó không được phép sao chép, chuyển tiếp, hay gửi lại cho các đơn vị khác trong mọi trường hợp mà chưa được sự cho phép của chúng tôi.

Miễn trừ trách nhiệm

- Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing dành cho thị trường / chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi Phòng Phân Tích của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiên và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.
- Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình, các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.
- Bản quyền ⓒ 2020 của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.